

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HOÀ
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2024

V/v: "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Thanh Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Phúc và bà Hoàng Thị Gấm.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà tham gia phiên toà:* bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1022/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2024, giữa:

- **Nguyên đơn: Ma Thị P** - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn: Đàm Văn Đ** – Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Q, Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Đàm Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q vào ngày 21/9/2006. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cho nên vợ chồng sống ly thân, tôi chuyển về làm ăn và sinh sống tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Còn anh Đ thì sinh sống tại xã C. Nay tôi xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn anh Đàm Văn Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Đàm Anh T - sinh ngày 20/3/2006, hiện nay con đang ở với anh Đ. Con đã đủ 18 tuổi cho nên tôi không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn Đàm Văn Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến tham gia tố tụng. Căn cứ đơn yêu cầu của chị P, Tòa án đã xác minh đối với ông Đàm Văn C là Trưởng xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cho biết vợ chồng P, Đ xảy mâu thuẫn cho nên chị P đã bỏ nhà đi khá lâu. Ngoài ra, theo kết quả xác minh đối với bà Nguyễn Thị P1 (mẹ của anh Đ) cho biết chị P đã bỏ nhà đi làm công ty từ năm 2017 đến nay không về chung sống cùng anh Đ, còn anh Đ cũng đi làm công ty, ngày lễ, ngày tết vẫn về nhà, anh Đ đã được gia đình thông báo giấy triệu tập của Tòa nhưng do bận công việc nên không về để giải quyết ly hôn. Kết quả mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của nguyên đơn Ma Thị P.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không hợp tác, cho nên nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa ngày 11/9/2024 bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Đàm Văn Đ, còn bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai, điều đó thể hiện anh Đ cố tình lẩn tránh, đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị P, vì vậy Tòa án sẽ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các Điều 28, 35, 68, 70-72, 93-98, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy vợ chồng anh Đàm Văn Đ và chị Ma Thị P xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải, chị P đã bỏ nhà đi, vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng bị đơn không chịu hợp tác, điều đó thể hiện anh Đ cố tình tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong việc giải quyết yêu cầu ly hôn của chị P, điều đó phù hợp với kết quả xác minh tại cơ sở. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Đàm Văn Đ, chị Ma Thị P đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Q, tỉnh Cao Bằng; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ma Thị P kết hôn với anh Đàm Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q vào ngày 21/9/2006. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cho nên vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm tới nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn Đàm Văn Đ cố tình lẩn tránh, không hợp tác tham gia tố tụng, làm cho phiên tòa phải hoãn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên đã ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau, đồng thời đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh không chịu hợp tác để giải quyết vụ án, điều đó cho thấy anh Đ cố tình từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Ma Thị P là có căn cứ cần chấp nhận.

2.2. Về con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ma Thị P. Chị Ma Thị P được ly hôn với anh Đàm Văn Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện P (nay là huyện Q)

không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung đã đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: chị Ma Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đề sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0002386 ngày 19 tháng 7 năm 2024. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THA DS huyện QH;
- UBND xã Cách Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp